TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẤT ĐỎ** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 52/2017/HNGĐ-ST Ngày: 25-12-2017 V/v: ly hôn giữa bà P và ông K	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Trọng

Ông Lê Minh Quan

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Lê Thị Mai -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tùng Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 89/2017/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mai P, sinh năm: 1994, "có mặt"

HKTT: Tổ 5 ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Nơi cư trú: Tổ 4 ấp H, xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Huỳnh Tấn K, sinh năm 1989, "vắng mặt"

HKTT: Tổ 5 ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Xuyên Mộc-Tổng cục VIII-Bộ Công an. Địa chỉ: T345 huyện M, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 10 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị Mai P trình bày:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Mai P và anh Nguyễn Huỳnh Tấn K tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 12 năm 2014, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo giấy chứng nhận kết hôn số 74/2014, quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân xã L cấp ngày 16-12-2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung số tại tổ 5 ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 8 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K thường xuyên uống rượu về nhà kiếm chuyện gây gỗ với chị P, nhiều lần có thái độ bất kính, thiếu tôn trọng cha mẹ chị P. Ngoài ra, anh K còn thường xuyên tham gia đánh đề dẫn đến nợ nần nhiều người, do vậy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Khoảng tháng 4 năm 2016, anh K bị bắt tạm giam do đánh người gây thương tích và bị Tòa án xử phạt mức án 06 năm tù, hiện đang chấp hành án tại Trại giam Xuyên Mộc, vì vậy vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay, chị P nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được vì vậy chị P yêu cầu ly hôn anh K.

Về nuôi con chung: Chị P và anh K có 01 người con chung là Nguyễn Trần Đăng K, sinh ngày 10-10-2015. Hiện con đang ở với chị P, chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị P xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

- Tại Biên bản ghi lời khai ngày 06 tháng 11 năm 2017 có sự xác nhận của Trại giam Xuyên Mộc, anh Nguyễn Huỳnh Tấn K trình bày: Anh K thống nhất về thời gian, điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, anh K cho rằng vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, không có mâu thuẫn, từ ngày anh K bị bắt (ngày 08-4-2016) và chấp hành án phạt tù tại Trại giam Xuyên Mộc cho đến nay không có điều kiện chăm lo cho vợ con nên chị P mới xin ly hôn. Nay, chị P yêu cầy ly hôn anh K đồng ý; Về con anh K không đồng ý giao con cho chị P nuôi dưỡng mà yêu cầu Tòa án xem xét khi chấp hành án xong anh K sẽ có trách nhiệm nuôi dưỡng con; Về tài sản chung và nợ chung, anh K xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Tại Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 21-11-2017 tại ấp T, xã L, huyện Đ, nơi vợ chồng chị P và anh K cư trú, sinh sống, được biết sau khi cưới vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì xảy ra sự việc anh K

uống rượu và đánh người gây thương tích, hiện nay đang chấp hành án phạt tù. Từ ngày anh K đi tù, chị P cũng dẫn con về nhà cha mẹ ruột ở xã P, huyện Đ sống cho đến nay.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu:

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, do đang chấp hành án tại Trại giam Xuyên Mộc nên bị đơn có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 207, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung: căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

- Chị Trần Thị Mai P và anh Nguyễn Huỳnh Tấn K chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Nay, chị P yêu cầu ly hôn với anh K và tranh chấp về việc nuôi con nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hộ khẩu thường trú của anh K trước khi bị bắt tạm giam và chấp hành án phạt tù tại Trại giam Xuyên Mộc là ở xã L, huyện Đ nên Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn anh Nguyễn Huỳnh Tấn K hiện đang chấp hành án tại Trại giam Xuyên Mộc, do vậy anh K có đơn đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt anh. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 207, khoản 1 Điều 227 và khoản 1

Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt anh K.

[2]*Về nội dung*:

[2.1]*Về hôn nhân*: Chị Trần Thị Mai P và anh Nguyễn Huỳnh Tấn K tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 12 năm 2014, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 74/2014, quyển số 01/2014 vào ngày 16-12-2014. Do đó, hôn nhân của chị P và anh K là hợp pháp.

Căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của chị P và anh K tại nơi vợ chồng sinh sống có cơ sở xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K thường xuyên uống rượu, đánh người gây thương tích, bị Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ và Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xử phạt mức án 06 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích", hiện đang chấp hành án tại Trại giam Xuyên Mộc. Tuy mâu thuẫn của hai người không thật sự trầm trọng nhưng việc anh K đồng ý ly hôn chị P là căn cứ xác định cuộc sống chung không có hạnh phúc và khả năng đoàn tụ vợ chồng không còn. Do đó, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị P và anh K.

[2.2]*Về nuôi con chung*: Chị P và anh K có 01 con chung là Nguyễn Trần Đăng K, sinh ngày 10-10-2015, hiện con đang ở với chị P từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Nay, chị P và anh K đều dành quyền nuôi dưỡng con. Xét nguyện vọng của chị P và anh K, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay, anh K đang chấp hành án phạt tù, không có điều kiện trực tiếp nuôi con nên không thể giao con cho anh K nuôi dưỡng được. Riêng chị P có điều kiện kinh tế để đảm bảo việc nuôi con hơn anh K và con hiện chưa đủ 36 tháng tuổi về nguyên tắc phải giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy giao cháu K cho chị P nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3]*Về cấp dưỡng nuôi con:* Việc chị P không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con là ý chí tự nguyện của chị P và không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4]*Về tài sản chung và nợ chung*: Chị P và anh K xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xét đến.

[3]*Về án phí*: Chị P phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội. Anh K không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1.Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Mai P và anh Nguyễn Huỳnh Tấn K.

2.Về nuôi con chung:

Giao con chung là cháu Nguyễn Trần Đăng K, sinh ngày 10-10-2015 cho chị Trần Thị Mai P trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm thời chị P không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con hoặc yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3.Về tài sản chung và nợ chung: Chị P và anh K xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

4.Về án phí:

- Chị Trần Thị Mai P phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2016/0006993 ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Chị P đã nộp đủ tiền án phí.

- Anh Nguyễn Huỳnh Tấn K không phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

5.Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án,quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự,người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án,quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự,thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BRVT;
- VKSND tỉnh BRVT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Chi Cục THADS huyện Đất Đỏ;
- UBND xã M, Đ,BRVT;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Dung